TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HSST
Ngày: 13/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Phương và ông Phạm Văn Toán.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 36/2023/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 01/6/2023, đối với bị cáo **Lê Văn Th ,** sinh năm 1969. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Văn M và bà Phạm Thị Nh (Đều đã chết). Vợ là Nguyễn Thị M1. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi liên quan:** Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Phạm Văn T và anh Nguyễn Văn Ngh. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 25 phút ngày 08/01/2023, tại đường liên thôn thuộc thôn P, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an huyện Kim Thành phối hợp với Công an xã Kim Đính kiểm tra phát hiện Lê Văn Th đang đỗ xe máy loại Sirius, biển số 34B4-318.07 ở bên đường (chiếc xe máy trên là tài sản chung của Th và vợ Th là bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969, trú tại thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương), trên võng xe máy biển số

34B4-318.07 có 01 bao tải dứa bên trong đựng 05 vật hình trụ tròn cao 12cm, đường kính 16cm, bên ngoài bọc bằng giấy và băng dính màu vàng, bên trong là các vật hình trụ tròn màu đỏ được liên kết lại với nhau thành tràng, Th khai nhận đó là pháo nổ của một người đàn ông tên H không rõ lai lịch thuê Th vận chuyển từ cửa quán Karaoke K thuộc thị trấn P, huyện Kim Thành đến khu vực bến đò thuộc xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Lực lượng công an tiến hành thu giữ số vật chứng nêu trên và quản lý của Th chiếc xe máy biển số 34B4-318.07; 01 chiếc điện thoại di động Nokia loại N1280 và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 11/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 05 vật hình trụ tròn cao 12cm, đường kính 16cm, bên ngoài bọc bằng giấy và băng keo màu vàng, bên trong có các vật hình trụ tròn cao 5,5cm, đường kính 02cm quấn bằng giấy đỏ nhiều lớp, hai đầu được bịt kín, một đầu có gắn dây dẫn màu đen. Các dây dẫn này liên kết các vật hình trụ tròn thành tràng. Tất cả đều là pháo nổ. Tổng khối lượng pháo nổ là 7,535kg.

Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 19/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Lê Văn Th về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị M1 xin vắng mặt và đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho bà xe máy biển số 34B4-318.07.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Th phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 8 đến 11 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại bị cáo Lê Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại N1280 và số tiền 500.000 đồng. Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà Nước ½ trị giá chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA,

màu sơn đỏ đen, loại xe SIRIUS, biển số 34B4-318.07. Trả lại cho chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969 (Là vợ bị cáo Lê Văn Th). Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ½ trị giá chiếc xe máy 34B4-318.07.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Kim Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị M1 xin xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Phạm Văn T và anh Nguyễn Văn Ngh đều vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi của bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 11 giờ 45 phút ngày 08/01/2023, tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn Phù Tải 2, xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Lê Văn Th có hành vi cất giữ trái phép 7,535 kg pháo nổ tại võng xe máy biển số 34B4-318.07 thì bị đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an huyện Kim Thành phối hợp với Công an xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát hiện, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Bị cáo xác định chở thuê pháo nổ cho người tên H nhưng bị cáo không rõ H là ai, ở đâu; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành cũng đã xác minh nhưng không có người tên H sử dụng số điện thoại liên lạc với bị cáo như bị cáo khai, do đó không có căn cứ xác định bị cáo có hành vi vận chuyển hàng cấm.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn Th đã phạm tội "Tàng trữ hàng cấm" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 19/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tại phiên tòa, đã truy tố bị cáo Lê Văn Th về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ pháo nổ là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về quyết định hình phạt: Qua phân tích, đánh giá các chứng cứ, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối bị cáo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt trong dịp tết nguyên đán, tình trạng sản xuất, buôn bán, tàng trữ và sử dụng pháo nổ có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội và gây bức xúc trong dư luận nhân dân nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, hoàn cảnh bị cáo hiện khó khăn do việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 7,37 kg pháo nổ là vật chứng của vụ án được hoàn lại sau giám định, ngày 16/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành đã tiến hành tiêu hủy theo quy định, là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia loại N1280 và số tiền 500.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, xác định không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe máy biển số 34B4-318.07 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, xác định là tài sản thuộc sở hữu chung hợp pháp của bị cáo và vợ là bà Nguyễn Thị M1, bà M1 không biết việc bị cáo Th sử dụng xe máy vào việc phạm tội, cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà Nước ½ trị giá chiếc xe máy biển số 34B4-318.07 và trả lại cho bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969 (Là vợ bị cáo Lê Văn Th). Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ½ trị giá chiếc xe máy biển số 34B4-318.07.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

[6] Trong vụ án này:

Theo bị cáo Lê Văn Th khai về nguồn gốc số pháo bị thu giữ là của người đàn ông tên H thuê bị cáo vận chuyển và tiền trả công vận chuyển cho bị cáo 500.000 đồng. Quá trình điều tra, không xác định được H là ai, ở đâu. Tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh hành vi của bị cáo Th là Vận chuyển hàng cấm và không đủ căn cứ xử lý đối với người đàn ông tên là H.

Đối với bà Nguyễn Thị M1, ngày 08/01/2023, bà M1 không biết Lê Văn Th cất giữ trái phép pháo nổ tại võng xe máy biển số 34B4-318.07 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành không đặt ra việc xử lý đối với bà M1 là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1/ Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Th phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 07 (Bẩy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3/ Xử lý vật chứng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại N1280 và số tiền 500.000 đồng.

Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà Nước ½ trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen, số khung 3220KY135071; số máy E3X9E695576; biển số 34B4-318.07 và trả lại cho bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1969 (Là vợ bị cáo Lê Văn Th). Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ½ trị giá chiếc xe máy biển số 34B4-318.07.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng tài sản lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn Th phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị Mây được quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi của bà trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan;
- VKSND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Công an huyện Kim Thành;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Kim Thành;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ – nghiệp vụ , Công an huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
-- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung